



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

(Ban hành theo Quyết định số 1.5/Đ.T. CNTH.QLĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 của
Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức)

- | | |
|----------------------------|---|
| ▪ Tên ngành, nghề đào tạo: | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ÔTÔ |
| ▪ Tên tiếng Anh: | AUTOMOTIVE, TRACTOR ENGINEERING |
| ▪ Mã ngành, nghề: | 6510202 |
| ▪ Hình thức đào tạo: | Chính quy |
| ▪ Trình độ: | Cao Đẳng |
| ▪ Đối tượng tuyển sinh: | Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương |
| ▪ Thời gian đào tạo: | 2.5 năm |

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực cơ khí ô tô có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có năng lực tự nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ ứng với trình độ cao đẳng, có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, có năng lực Tiếng Anh, có sức khỏe, có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc trong nước và khu vực. Đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

Khi kết thúc chương trình, học sinh sinh viên có thể:

- 1.2.1.1.** Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

- 1.2.1.2. Trình bày được những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp Tiếng Anh, tiếng anh chuyên ngành;
- 1.2.1.3. Trình bày được những kiến thức cơ bản về Công nghệ thông tin;
- 1.2.1.4. Trình bày được các kiến thức cơ bản về Ô tô, Vẽ kỹ thuật, AutoCAD, Quản lý dịch vụ ô tô, Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả;
- 1.2.1.5. Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các hệ thống trên ô tô: Động cơ, Khung gầm, Điện Ô tô;
- 1.2.1.6. Trình bày được qui trình kiểm tra, chẩn đoán và kiểm định trên ô tô;
- 1.2.1.7. Nhận biết và trình bày được cách vận hành các thiết bị và dụng cụ sử dụng trong chuyên môn nghề;
- 1.2.1.8. Trình bày cách chẩn đoán và xác định các lỗi pan hư hỏng trên ô tô;
- 1.2.1.9. Phân tích được các nguyên nhân gây sai hỏng trên Ô tô;
- 1.2.1.10. Mô tả được các phương pháp hiệu chỉnh các thông số làm việc của các hệ thống trên ô tô, bảo đảm đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất;
- 1.2.1.11. Tiếp thu và chuyển giao được công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;

1.2.2. Kỹ năng:

Chương trình sẽ cung cấp cho học sinh sinh viên những kỹ năng sau đây:

- 1.2.2.1. Sử dụng thành thạo các thiết bị và dụng cụ dùng cho chuyên môn nghề;
- 1.2.2.2. Bảo dưỡng xe đúng qui trình, đảm bảo các thông số và yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất;
- 1.2.2.3. Thực hiện đúng các qui trình kiểm tra và chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô;
- 1.2.2.4. Tháo và lắp thành thạo các chi tiết, các cơ cấu và hệ thống trên ô tô;
- 1.2.2.5. Thực hiện sửa chữa, thao tác đúng quy định theo yêu cầu kỹ thuật;
- 1.2.2.6. Lập được kế hoạch tổ chức sửa chữa và quản lý các công việc phù hợp với các điều kiện nơi làm việc;
- 1.2.2.7. Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường;

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 1.2.3.1. Chấp hành tốt các qui định pháp luật, chính sách của nhà nước;

- 1.2.3.2. Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- 1.2.3.3. Giải quyết tốt công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện môi trường làm việc thay đổi;
- 1.2.3.4. Thực hiện tác phong công nghiệp, có ý thức kỷ luật lao động cao, có trách nhiệm với công việc, thích ứng với môi trường lao động trong bối cảnh hội nhập Quốc tế;
- 1.2.3.5. Chấp hành tốt các nội qui, qui định tại nơi làm việc, có năng lực tự chủ, sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ khi được giao;
- 1.2.3.6. Luôn có tinh thần học hỏi, rèn luyện tính cẩn thận, chịu khó, tập trung, sáng tạo để nâng cao kỹ năng thực hành đáp ứng yêu cầu công việc;
- 1.2.3.7. Tuân thủ các yêu cầu bảo đảm an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường;
- 1.2.3.8. Đánh giá được các kết quả công việc của mình và của các thành viên trong nhóm.

+ Năng lực ngoại ngữ:

- Có chứng chỉ **Tiếng Anh TOEIC 350** quốc tế hoặc **chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương** hoặc được **đánh giá đạt trong kỳ thi đánh giá năng lực Tiếng Anh chuẩn đầu ra** do Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức tổ chức.
- Hoặc có **chứng chỉ Tiếng Hàn Topik 1 cấp độ 2** do Viện Giáo dục quốc tế Quốc gia Hàn Quốc cấp.
- Hoặc: Có chứng chỉ **Tiếng Nhật JLPT** hoặc **NAT-TEST cấp độ N5** trở lên còn hiệu lực;
- Hoặc: Có chứng chỉ **Năng lực Nhật ngữ Quốc tế JLPT cấp độ N5** trở lên còn hiệu lực;
- Hoặc: Có chứng chỉ **Năng lực Nhật ngữ Quốc tế NAT-TEST cấp độ 5Q** (cấp 5) trở lên còn hiệu lực.

+ Năng lực sử dụng CNTT:

- Có **chứng chỉ công nghệ thông tin nâng cao** do Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức cấp hoặc có **chứng chỉ kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao** theo quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô, sinh viên có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Kỹ thuật viên trạm bảo dưỡng & sửa chữa ô tô tại các showroom ủy quyền của các hãng.
- Nhân viên phụ tùng (quản lý kho)
- Nhân viên bán hàng.
- Nhân viên lắp ráp ô tô.
- Nhân viên cố vấn dịch vụ.
- Kỹ thuật viên sửa chữa xe tại các garage
- Trợ giảng tại các trường trung cấp.

2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHOÁ HỌC:

- ✓ Số lượng môn học/học phần: 27
- ✓ Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 85 tín chỉ
- ✓ Khối lượng các môn học/học phần chung: 19 tín chỉ
- ✓ Khối lượng các môn học/học phần chuyên môn: 66 tín chỉ
- ✓ Khối lượng lý thuyết: 43 tín chỉ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 42 tín chỉ
- ✓ Thời gian đào tạo: 2,5 năm

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
A	Các học phần chung		19	11	8	435	160	254	21	
1	DCC100280	Giáo dục chính trị	4	3	1	75	41	29	5	1.2.1.1- 1.2.3.1
2	DCC100220	Pháp luật	2	2	0	30	18	10	2	1.2.1.1- 1.2.3.1
3	DCC100191	Tin học	3	1	2	75	15	57	3	1.2.1.3
4	NNK100040	Tiếng Anh 1B	2	1	1	45	15	28	2	1.2.1.2
5	NNC100040	Tiếng Anh 2	3	2	1	75	30	43	2	1.2.1.2

Các môn Giáo dục thể chất, QP&AN										
6	DCK100031	Giáo dục thể chất 1	1	0	1	30	3	26	1	1.2.1.1
7	DCK100032	Giáo dục thể chất 2	1	0	1	30	2	26	2	1.2.1.1
8	DCC100290	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	2	1	75	36	35	4	1.2.1.1
B	Các học phần chuyên môn ngành		66	32	34	1620	468	1098	54	
I	Học phần cơ sở		12	09	3	225	131	84	10	
1	CSC114070	Nhập môn CNKT ô tô	2	1	1	45	15	28	2	1.2.1.4
2	CSC102150	Vẽ kỹ thuật	3	2	1	60	30	28	2	1.2.1.4
3	CSC114060	AutoCAD	3	2	1	60	30	28	2	1.2.1.4
4	CSC114090	Quản lý dịch vụ ô tô	2	2	0	30	28	0	2	1.2.1.4-1.2.2.7- 1.2.3.7
5	CSK114010	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả	2	2	0	30	28	0	2	1.2.1.4-1.2.2.7- 1.2.3.7
II	Học phần chuyên môn		54	23	31	1395	337	1014	44	
1	CNC114131	Động cơ xăng 1	5	2	3	120	30	86	4	1.2.1.5-1.2.1.6 – 1.2.1.7-1.2.2.1 – 1.2.2.2-1.2.2.3 – 1.2.2.4-1.2.3.1 – 1.2.3.2-1.2.3.3 – 1.2.3.4
2	CNC114132	Động cơ xăng 2	5	2	3	120	30	86	4	1.2.1.5-1.2.1.6 – 1.2.1.7-1.2.2.1 – 1.2.2.2-1.2.2.3 – 1.2.2.4-1.2.3.1 – 1.2.3.2-1.2.3.3 – 1.2.3.4
3	CNC114280	Động cơ Diesel	5	2	3	120	30	86	4	1.2.1.5- 1.2.1.6 – 1.2.1.7-1.2.2.1 – 1.2.2.2-1.2.2.3 – 1.2.2.4-1.2.3.1 – 1.2.3.2-1.2.3.3 – 1.2.3.4
4	CNC114241	Gầm ô tô 1	5	2	3	120	30	86	4	1.2.1.5-1.2.1.6 – 1.2.1.7-1.2.2.1 – 1.2.2.2-1.2.2.3 – 1.2.2.4-1.2.3.1 – 1.2.3.2-1.2.3.3 – 1.2.3.4
5	CNC114242	Gầm ô tô 2	5	2	3	120	30	86	4	1.2.1.5-1.2.1.6 – 1.2.1.7-1.2.2.1 – 1.2.2.2-1.2.2.3 – 1.2.2.4-1.2.3.1 – 1.2.3.2-1.2.3.3 – 1.2.3.4

6	CNC114261	Điện ô tô 1	5	2	3	120	30	86	4	1.2.1.5-1.2.1.6 – 1.2.1.7-1.2.2.1 – 1.2.2.2-1.2.2.3 – 1.2.2.4-1.2.3.1 – 1.2.3.2-1.2.3.3 – 1.2.3.4
7	CNC114262	Điện ô tô 2	5	2	3	120	30	86	4	1.2.1.5-1.2.1.6 – 1.2.1.7-1.2.2.1 – 1.2.2.2-1.2.2.3 – 1.2.2.4-1.2.3.1 – 1.2.3.2-1.2.3.3 – 1.2.3.4
8	CNC114290	Nhiệt- Điện lạnh ô tô	3	1	2	75	15	58	2	1.2.1.5-1.2.1.6 – 1.2.1.7-1.2.2.1 – 1.2.2.2-1.2.2.3 – 1.2.2.4-1.2.3.1 – 1.2.3.2-1.2.3.3 – 1.2.3.4
9	CNC114200	Thực tập doanh nghiệp	3	0	3	135	0	132	3	1.2.2.5-1.2.2.6 – 1.2.3.5-1.2.3.6
10	TNC114190	Kỹ thuật chẩn đoán và kiểm định ô tô	2	2	0	30	28	0	2	1.2.1.4-1.2.2.7 – 1.2.3.7
11	TNC114170	Chuyên đề Động cơ ô tô	2	2	0	30	28	0	2	1.2.1.7-1.2.1.8 – 1.2.1.9-1.2.1.10 – 1.2.1.11
12	TNC114160	Chuyên đề Điện ô tô	2	2	0	30	28	0	2	1.2.1.7-1.2.1.8 – 1.2.1.9-1.2.1.10 – 1.2.1.11
13	TNC114150	Chuyên đề Khung gầm ô tô	2	2	0	30	28	0	2	1.2.1.7-1.2.1.8 – 1.2.1.9-1.2.1.10 – 1.2.1.11
14	TNC114180	Thực tập tốt nghiệp	5	0	5	225	0	222	3	1.2.2.5-1.2.2.6 – 1.2.3.5-1.2.3.6 – 1.2.3.8
Tổng cộng:			85	43	42	2055	628	1352	75	

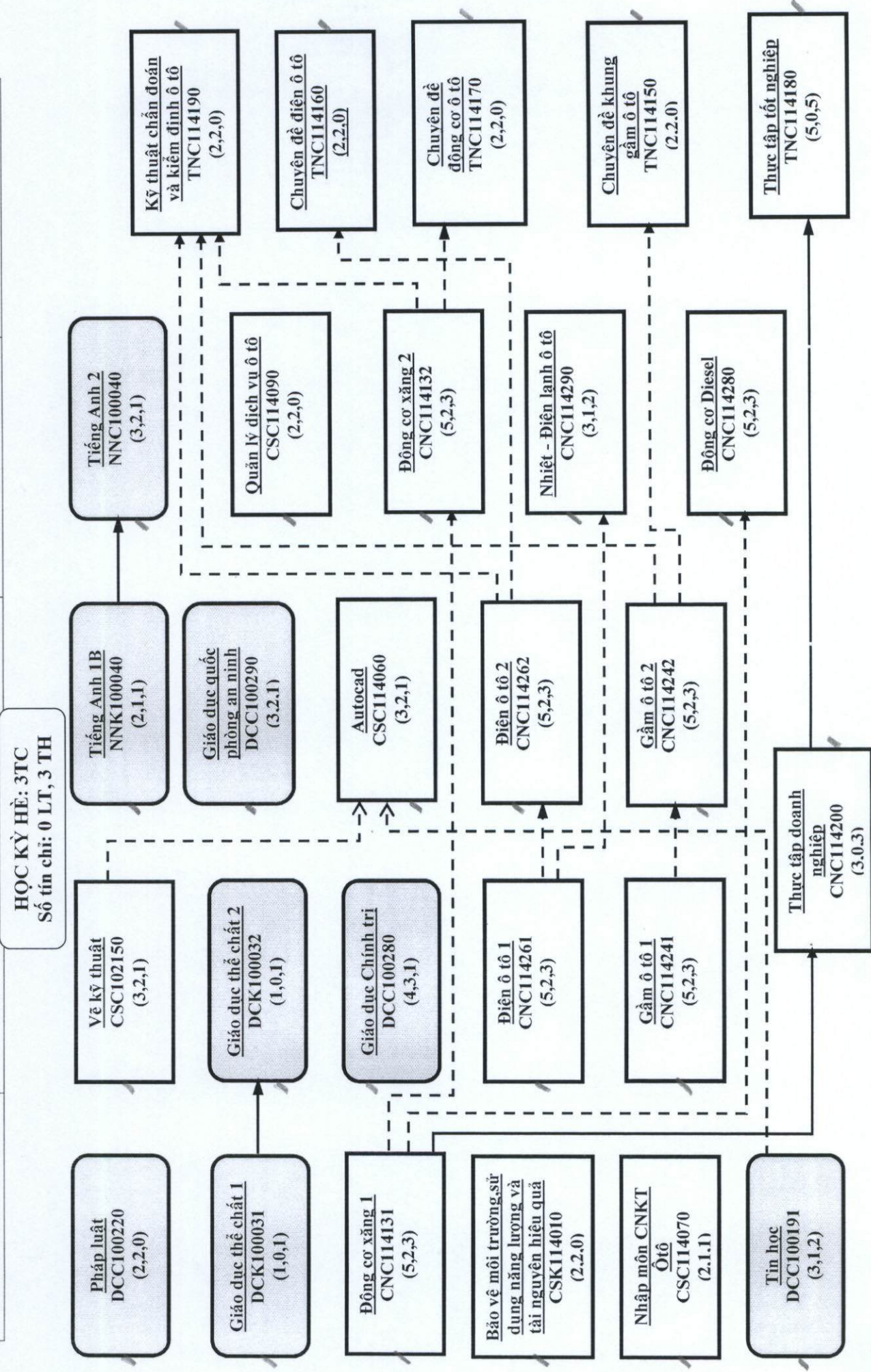
1. SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC/HỌC PHẦN:

1.1. Giải thích các ký hiệu:

KÝ HIỆU	Ý NGHĨA
Các môn học chung <u>Chính trị</u> DCC100130	<u>Chính trị</u>: Tên môn học/học phần DCC100130: Mã môn học/học phần (5,4,1): Số tín chỉ của HP (tổng số, LT,TH)
Các môn học chuyên môn ngành, nghề Phần bắt buộc <u>Vẽ kỹ thuật</u> CSC102020 (3,2,1)	<u>Dung sai- Vẽ kỹ thuật</u> : Tên môn học/học phần CSC102020: Mã môn học/học phần (3,2,1): Số tín chỉ của HP (tổng số, LT,TH)
→	Điều kiện tiên quyết
- - - - - →	Môn học trước

1.2. Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học/học phần:

HỌC KỲ 1: 15 TC Số tín chỉ: 09 LT, 06 TH	HỌC KỲ 2: 18 TC Số tín chỉ: 08 LT, 10 TH	HỌC KỲ 3: 18 TC Số tín chỉ: 09 LT, 09 TH	HỌC KỲ 4: 18 TC Số tín chỉ: 09 LT, 09 TH	HỌC KỲ 5: 13 TC Số tín chỉ: 08 LT, 05 TH
---	---	---	---	---



5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

5.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện:

- Đối với môn học Giáo dục chính trị: Thực hiện theo thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Đối với môn học Pháp luật: Thực hiện theo thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Đối với môn học Giáo dục thể chất: Thực hiện theo thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Đối với môn học Giáo dục Quốc phòng – An ninh: Thực hiện theo thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Đối với môn học Tiếng Anh: Thực hiện theo thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Đối với môn học Tin học: Thực hiện theo thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Để sinh viên/học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường sẽ bố trí tham quan, học tập, thực tập tại một số doanh nghiệp, công ty, khu công nghiệp, khu chế xuất.... vào các thời điểm thích hợp.

- Để giáo dục đạo đức, truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội, tăng



cường các kỹ năng mềm, sinh viên/học sinh cần tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, huấn luyện kỹ năng... do nhà trường tổ chức.

5.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học:

- Thực hiện kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập (số lần kiểm tra, hình thức kiểm tra...) được thực hiện theo quy định trong từng chương trình môn học cụ thể.

- Tổ chức kỳ thi kết thúc môn học/học phần (ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc môn học/học phần ...) được thực hiện theo các quy định hiện hành của trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức.

5.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

Sinh viên/học sinh được xét công nhận tốt nghiệp khi:

- Tích lũy đủ số môn học/học phần và số tín chỉ quy định bởi chương trình đào tạo. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,5 trở lên.

- Các môn giáo dục Quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất được đánh giá đạt.

- Thỏa mãn các điều kiện chuẩn đầu ra của chuyên ngành đào tạo theo quy định.

- Căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận **đanh hiệu kỹ sư thực hành** (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

5.5. Các chú ý khác (nếu có):

.....
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2024

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Quang Tuấn